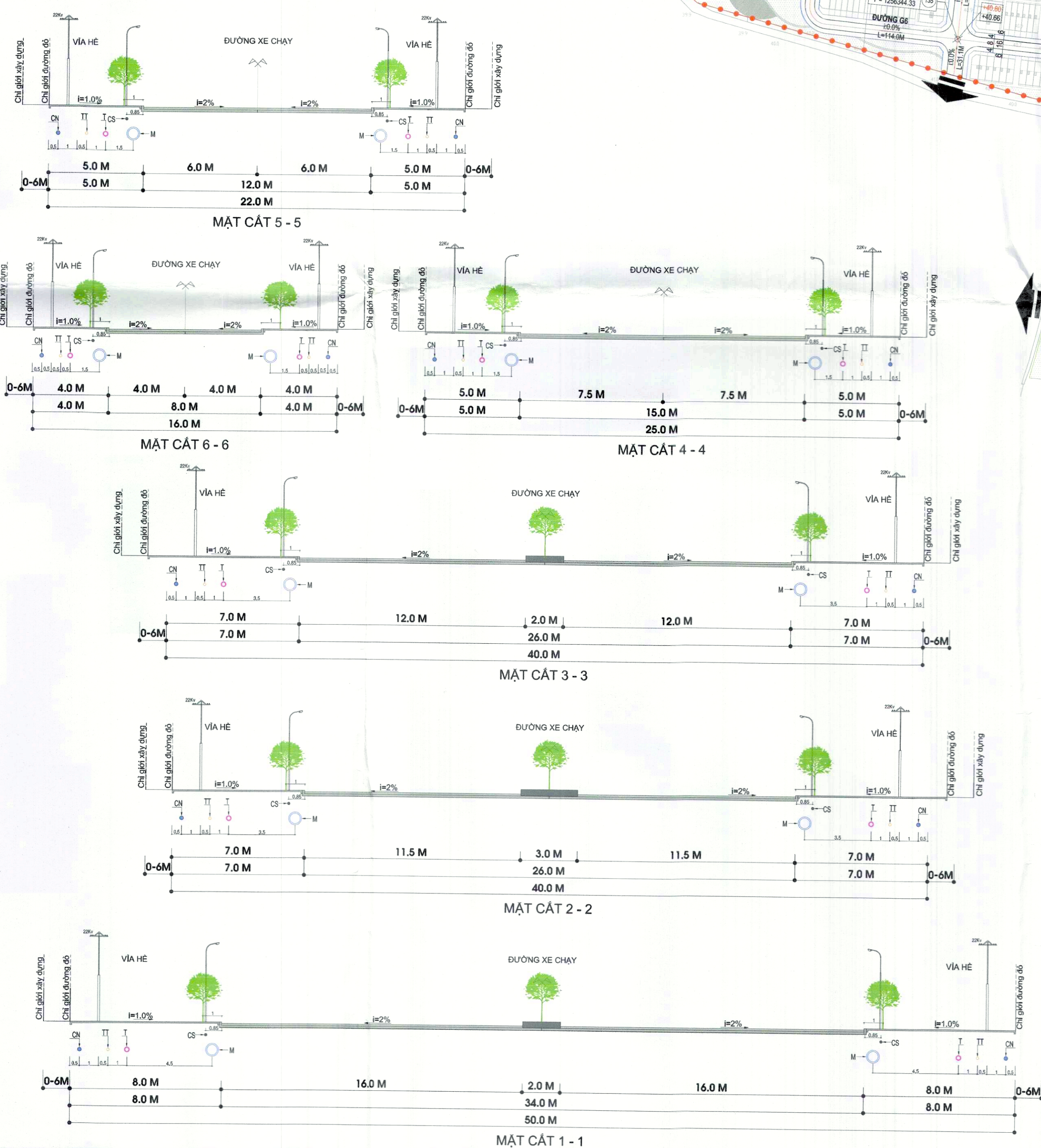


	CAO ĐỘ THIẾT KẾ CAO ĐỘ TỰ NHIÊN		RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
	ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUY HOẠCH		ĐƯỜNG GIAO THÔNG
	BÁN KÍNH ĐƯỜNG CONG, BÁN KÍNH BÓ VÍA		CÔNG TRÌNH
	KỶ HIỆU MẶT CẮT NGANG ĐƯỜNG		SÂN VƯỜN, ĐƯỜNG DẠO
	KÍCH THƯỚC MẶT CẮT NGANG		CÂY XANH ĐƯỜNG PHỐ
	ĐỘ DỐC/ CHIỀU DÀI		CÂY XANH CẢNH QUAN
58 5438663.81	TOA ĐỒ NÚT GIAO THÔNG		

- 1.1 NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI 1
- 1.2 NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI 2
- 1.3 NHÀ Ở LIỀN KÈ LOẠI 3
- 1.4 NHÀ Ở XÃ HỘI
- 1.5 CHUNG CƯ
- 2.1 CÔNG TRÌNH TRƯỜNG MẦM NON
- 2.2 CÔNG TRÌNH TRƯỜNG TIỂU HỌC
- 2.3 CÔNG TRÌNH TRƯỜNG THCS
- 2.4 CÔNG TRÌNH TRƯỜNG THPT
- 2.5 CÔNG TRÌNH DVTM
- 2.6 CÔNG TRÌNH Y TẾ
- 3.1 CÔNG VIÊN ĐƠN VỊ
- 3.2 CÔNG VIÊN ĐẠO LUYỆN
- 3.3 CÂY XANH CÁCH LY
- 4.1 CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG - BÃI XE

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CHÍNH		
- Diện tích xây dựng toàn khu quy hoạch là :	1.962.830,60	m ²
- Diện tích giao thông toàn khu là :	585.975,80	m ²
- Tỷ lệ đất giao thông:	29,85%	%
- Tổng chiều dài mạng lưới đường giao thông:	29.624,50	m
- Mật độ mạng lưới đường:	15,09	km/km ²

BẢNG THÔNG KÊ GIAO THÔNG											
Stt	Hạng Mục	Mặt cắt ngang	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)				Diện tích (m ²)			
				Mặt đường	Via hè	Giai phân cách	Lộ giới	Mặt đường	Via hè	Giai phân cách	Đất giao thông
Giao thông đối ngoại:											
1	Đường D1	1-1	467,30	32,00	16,00	2,00	50,00	14.954	7.477	935	34.669,57
2	Đường D26	4-4	943,50	15,00	10,00	-	25,00	14.153	9.435	-	23.587,50
3	Đường D27	5-5	943,50	12,00	10,00	-	22,00	11.322	9.435	-	20.757,00
4	Đường D28	5-5	476,27	12,00	10,00	-	22,00	5.715	4.763	-	10.477,94
5	Đường H2A-D8	5-5	327,00	12,00	10,00	-	22,00	3.924	3.270	-	7.194,00
6	Đường D29	5-5	646,50	12,00	10,00	-	22,00	7.758	6.465	-	14.223,00
7	Đường D30	5-5	1.179,20	12,00	10,00	-	22,00	14.150	11.792	-	25.942,40
8	Đường D20	3-3	1.365,00	24,00	14,00	2,00	40,00	32.760	19.110	-	54.600,00
9	Đường N40	4-4	1.681,40	15,00	10,00	-	25,00	25.221	16.814	-	42.035,00
10	Đường N41	5-5	2.060,10	12,00	10,00	-	22,00	24.721	20.601	-	45.322,20
11	Đường N46	2-2	2.183,70	23,00	14,00	3,00	40,00	50.225	30.572	-	87.348,00
12	Đường N44	4-4	251,50	15,00	10,00	-	25,00	3.773	2.515	-	6.287,50
Giao thông đối nội:											
13	Đường H2A-D1	6-6	384,80	8,00	8,00	-	16,00	3.078	3.078	-	6.156,80
14	Đường H2A-D2	6-6	384,80	8,00	8,00	-	16,00	3.078	3.078	-	6.156,80
15	Đường H2A-D3	6-6	771,00	8,00	8,00	-	16,00	6.168	6.168	-	12.336,00
16	Đường H2A-D4	6-6	943,50	8,00	8,00	-	16,00	7.548	7.548	-	15.096,00
17	Đường H2A-D5	6-6	771,00	8,00	8,00	-	16,00	6.168	6.168	-	12.336,00
18	Đường H2A-D6	6-6	771,00	8,00	8,00	-	16,00	6.168	6.168	-	12.336,00
19	Đường H2A-D7	6-6	82,50	8,00	8,00	-	16,00	660	660	-	1.320,00
20	Đường H2A-D8	5-5	207,60	12,00	10,00	-	22,00	2.491	2.076	-	4.567,20
21	Đường D28	5-5	193,93	12,00	10,00	-	22,00	2.327	1.939	-	4.266,48
22	Đường H2B -D1	6-6	160,50	8,00	8,00	-	16,00	1.284	1.284	-	2.568,00
23	Đường H2B -D2	6-6	646,50	8,00	8,00	-	16,00	5.172	5.172	-	10.344,00
24	Đường H2B -D3	6-6	156,00	8,00	8,00	-	16,00	1.248	1.248	-	2.496,00
25	Đường H2B -D4	6-6	474,00	8,00	8,00	-	16,00	3.792	3.792	-	7.584,00
26	Đường H2C -D1	5-5	140,40	12,00	10,00	-	22,00	1.685	1.404	-	3.088,80
27	Đường H2C -D2	6-6	9.036,00	8,00	8,00	-	16,00	72.288	72.288	-	144.576,00
28	Đường H2C -D3	6-6	680,50	8,00	8,00	-	16,00	5.444	5.444	-	10.888,00
29	Đường B7	6-6	217,00	8,00	8,00	-	16,00	1.736	1.736	-	3.472,00
30	Đường M8	6-6	1.135,20	8,00	8,00	-	16,00	9.082	9.082	-	18.163,20
31	Đường M9	6-6	528,40	8,00	8,00	-	16,00	4.227	4.227	-	8.454,40
32	Đường G1	6-6	257,80	8,00	8,00	-	16,00	2.062	2.062	-	4.124,80
33	Đường G2	6-6	90,00	8,00	8,00	-	16,00	720	720	-	1.440,00
34	Đường G3	6-6	257,80	8,00	8,00	-	16,00	2.062	2.062	-	4.124,80
35	Đường G4	6-6	265,80	8,00	8,00	-	16,00	2.126	2.126	1.509	4.252,80
36	Đường G6	6-6	556,40	8,00	8,00	-	16,00	4.451	4.451	-	8.902,40
37	Đường H2A-N1	6-6	902,00	8,00	8,00	-	16,00	7.216	7.216	-	14.432,00
38	Đường H2A-N2	6-6	945,10	8,00	8,00	-	16,00	7.561	7.561	-	15.121,60
39	Đường H2A-N3	6-6	769,70	8,00	8,00	-	16,00	6.158	6.158	-	12.315,20
40	Đường H2A-N4	6-6	481,50	8,00	8,00	-	16,00	3.852	3.852	-	7.704,00
41	Đường H2B -N8		1.225,20	8,00	8,00	-	16,00	9.802	9.802	-	19.603,20
42	Đường H2B -N1	6-6	613,60	8,00	8,00	-	16,00	4.909	4.909	-	9.817,60
43	Đường H2B -N2	6-6	1.014,10	8,00	8,00	-	16,00	8.113	8.113	-	16.225,60
44	Đường H2B -N3	6-6	1.014,10	8,00	8,00	-	16,00	8.113	8.113	-	16.225,60
45	Đường H2B -N4	6-6	1.135,30	8,00	8,00	-	16,00	9.082	9.082	-	18.164,80
46	Đường H2B -N5	6-6	798,30	8,00	8,00	-	16,00	6.306	6.306	-	12.612,80
47	Đường H2B -N6	6-6	397,87	8,00	8,00	-	16,00	3.183	3.183	-	6.365,92
48	Đường H2B -N7	6-6	1.225,30	8,00	8,00	-	16,00	9.802	9.802	-	19.604,80
DIỆN TÍCH ĐƯỜNG GIAO THÔNG TOÀN KHU:											585.975,80



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
 ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHƠN THÀNH
 CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG
 KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: Nguyễn Anh Tài NGÀY: THÁNG NĂM

CO QUAN THAM DINH:
PHONG KINH TE, HA TANG VA DO THI PHUONG CHON THANH

KÈM THEO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH SỞ: _____ NGÀY ____ THÁNG ____ NĂM ____

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP VÀ TRÌNH DUYỆT QUÝ HOẠCH:

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HTKT BECAMEX - BÌNH PHƯỚC

Đặng Văn Dũng

CONG TRINH - DIA DIEM:
 QUY HOACH CHI TIET XAY DUNG TY LE 1/500
 KHU DAN CU HOA VINH 2
 PHUONG CHON THANH - TINH DONG NAI

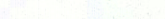
TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG

BẢN VẼ: QH07	GHÉP: A0	TỶ LỆ: FIT A0	NĂM:
THIẾT KẾ/ HỌA	ThS. KS. NGUYỄN ĐỨC LẬP		

CHỦ TRÌ	ThS. KS. NGUYỄN ĐỨC LẬP	
CHỦ NHIỆM	KS. NGUYỄN HOÀNG PHÚC	

TRƯỞNG PHÒNG	ThS. KS. MAI ANH PHƯƠNG	
QL. KỸ THUẬT	ThS. KS. MAI ANH PHƯƠNG	
GIÁM ĐỐC:		

GIẤY ĐÓNG: 


CÔNG TY TNHH TƯ VẤN FAS
 ĐỊA ĐIỂM: 256/37 Đường Quảng Hàm, P. 5, Q. Gò Vấp
 ĐIỆN THOẠI: 0970.1111.60

 Fas Consultant Co., Ltd Số 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Điện thoại: 0979.1111.60 EMAIL: XAYDUNGFAS@GMAIL.COM WEBSITE: HTTP://XAYDUNGFAS.COM	
TÊN CÔNG TRÌNH:	QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ HÒA BÌNH 2

TÊN BẢN VẼ:	BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG	QUY MÔ
-------------	--------------------------------------	--------